

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHƯA HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT**  
Quý IV Năm 2010

Chi tiêu	Quý 4		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	367.476.347.043	328.169.427.008	1.451.770.476.761	1.339.631.761.259
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	367.476.347.043	328.169.427.008	1.451.770.476.761	1.339.631.761.259
4 Giá vốn hàng bán	335.737.839.095	343.472.830.230	1.322.819.391.771	1.234.001.142.792
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	31.738.507.948	(15.303.403.222)	128.951.084.990	105.630.618.467
6 Doanh thu hoạt động tài chính	105.284.650.113	68.753.667.438	224.689.059.790	164.002.938.862
7 Chi phí tài chính	86.556.328.150	(11.440.743.860)	196.029.523.309	(16.554.774.375)
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	19.622.500.571	7.890.546.143	72.475.436.125	35.440.526.735
8 Chi phí bán hàng	250.668.160	2.060.683.503	868.388.435	2.557.919.199
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.849.151.143	19.644.710.886	65.246.946.713	65.839.263.808
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.367.010.608	43.185.613.687	91.495.286.323	217.791.148.697
11 Thu nhập khác	9.497.555.192	2.036.449.253	53.981.892.757	10.986.316.238
12 Chi phí khác	519.456.060	5.023.390.403	7.001.382.080	10.342.677.171
13 Lợi nhuận khác	8.978.099.132	(2.986.941.150)	46.980.510.677	643.639.067
14 Lợi nhuận trước thuế	37.345.109.740	40.198.672.537	138.475.797.000	218.434.787.764
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	214.980.473	9.823.971.387	11.656.519.819	9.823.971.387
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.326.659.474	1.520.983.543	(627.498.732)	1.520.983.543
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.803.469.793	28.853.717.607	127.446.775.913	207.089.832.834

Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 1 năm 2011



Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt  
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh  
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.058.510.863.940</b>	<b>756.387.229.322</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>263.852.535.893</b>	<b>92.732.327.324</b>
1. Tiền	111		94.829.207.697	92.732.327.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		169.023.328.196	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.027.123.505.566</b>	<b>138.622.560.256</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.102.369.021.562	170.519.121.505
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(75.245.515.996)	(31.896.561.249)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>626.731.592.847</b>	<b>425.945.946.057</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	326.317.427.727	288.625.438.099
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	100.469.441.298	4.964.760.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	200.773.783.144	133.184.806.636
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>30.577.584.270</b>	<b>27.856.801.618</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	30.577.584.270	27.856.801.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>110.225.645.364</b>	<b>71.229.594.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.619.853.227	2.303.301.804
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	955.615.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1.440.500	3.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	102.604.351.637	67.967.676.419

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.735.636.533.598</b>	<b>2.170.738.320.850</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.000.000.000</b>	<b>24.800.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			-
4. Phải thu dài hạn khác	218		37.000.000.000	24.800.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>713.653.264.979</b>	<b>772.945.094.438</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	653.816.958.651	714.195.090.277
<i>Nguyên giá</i>	222		1.107.465.742.961	1.122.423.332.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(453.648.784.310)	(408.228.241.736)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	7.266.838.830	11.231.556.573
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(16.623.929.836)	(12.659.212.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	14.935.179.723	19.078.800.335
<i>Nguyên giá</i>	228		17.104.321.171	20.154.251.867
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.169.141.448)	(1.075.451.532)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	37.634.287.775	28.439.647.253
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.16</b>	<b>251.094.268.173</b>	<b>262.211.533.407</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	278.948.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(28.354.171.622)	(16.736.906.388)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.686.345.112.409</b>	<b>1.064.962.782.537</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	946.927.512.103	469.809.521.512
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	309.469.472.143	260.856.533.757
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	480.003.661.730	368.363.871.494
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(50.055.533.567)	(34.067.144.226)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.543.888.037</b>	<b>45.818.910.468</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	8.024.542.185	7.352.471.254
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.22	627.498.732	1.387.027.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	38.891.847.120	37.079.412.120
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.794.147.397.538</b>	<b>2.927.125.550.172</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

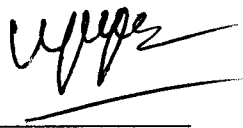
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.266.855.823.271</b>	<b>840.757.633.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>762.451.259.055</b>	<b>605.999.994.920</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	290.207.732.413	204.618.868.697
2. Phải trả người bán	312	V.25	156.581.773.392	131.292.107.654
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	4.594.982.223	10.818.608.373
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	14.642.957.156	6.934.019.243
5. Phải trả người lao động	315	V.28	5.485.274.972	12.895.318.000
6. Chi phí phải trả	316	V.29	12.541.077.109	37.557.168.343
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	271.721.648.456	196.832.455.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	-	1.648.316.717
11. Quỹ phúc lợi			6.675.813.335	3.403.132.893
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>504.404.564.216</b>	<b>234.757.638.930</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	22.620.519.216	24.531.675.907
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	481.784.045.000	206.672.301.747
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.34	-	2.908.010.637
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.35	-	645.650.639
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.527.291.574.268</b>	<b>2.086.367.916.322</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.527.291.574.268</b>	<b>2.086.367.916.322</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.36	1.000.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.36	2.169.160.586.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.36	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.790.944.659	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.36	23.765.156.863	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.36	20.651.091.956	10.296.600.315
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.36	241.535.411.488	151.364.805.484
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.37	-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.794.147.397.538</b>	<b>2.927.125.550.171</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

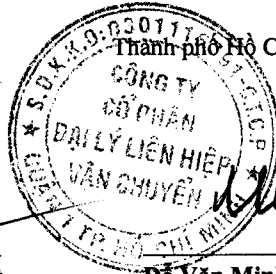
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011



**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu



**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán



**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)**

Địa chỉ: số 6 đường Lê Thánh Tôn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CP GEMADEPT**

Năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		138.475.797.000	218.434.787.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		94.892.331.831	100.033.089.552
- Các khoản dự phòng	03		57.689.027.371	(191.813.851.890)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		5.539.518.798	(9.625.514.578)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(162.897.702.608)	(3.819.858.356)
- Chi phí lãi vay	06		72.475.436.125	35.440.526.735
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		206.174.408.517	148.649.179.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(248.477.581.664)	133.525.306.320
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.720.782.652)	(10.213.185.013)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		67.326.880.004	(38.109.102.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.988.622.354)	16.875.379.023
- Tiền lãi vay đã trả	13		(61.057.412.698)	(37.104.922.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.000.000.000)	(180.699.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		184.461.809.930	61.409.593.004
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(127.743.698.531)	(64.002.637.774)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>975.000.551</b>	<b>210.848.910.501</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.404.247.095)	(159.830.022.549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.071.167.904	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.800.476.881)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.248.060.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.297.870.270.684)	(753.277.170.657)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		125.436.651.414	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.957.296.449	114.503.469.533
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(1.113.809.402.012)</b>	<b>(254.329.344.109)</b>

Năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.327.253.124.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.085.758.006.232	509.498.543.131
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.121.844.399.263)	(381.044.735.540)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(6.212.120.939)	(5.684.018.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.283.954.610.030</b>	<b>40.156.992.475</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>171.120.208.569</i>	<i>(3.323.441.132)</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>92.732.327.324</b>	<b>95.158.324.826</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại</b>	<b>61</b>			<b>897.443.630</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>263.852.535.893</b>	<b>92.732.327.323</b>

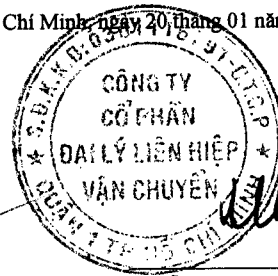
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011



Trương Như Nguyên  
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt  
 Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh  
 Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
  - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
  - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
  - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
  - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
  - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
  - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát..
  - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
  - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính cho Báo cáo tài chính năm 2010 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Các chi nhánh, phòng đại lý và các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tập hợp số liệu ban đầu và thống kê; định kỳ các dữ liệu được chuyển về Văn phòng Công ty để Phòng Kế toán hạch toán, tổng hợp ghi sổ và lập Báo cáo tài chính. Riêng chi nhánh Campuchia hạch toán độc lập và Báo cáo tài chính sẽ được tổng hợp vào cuối năm.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **9. Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### **10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **11. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Tiền thu từ việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được Công ty ghi nhận giảm vào giá trị của khoản đầu tư.

#### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Lãi thuê tài chính***

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

#### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### **14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD  
: 26.963 VND/EUR

31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
: 25.945 VND/EUR

#### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.576.013.879	6.056.728.672
Tiền gửi ngân hàng	88.989.945.569	86.077.597.568
Tiền đang chuyển	1.263.248.249	598.001.084
Các khoản tương đương tiền (*)	169.023.328.196	-
<b>Cộng</b>	<b><u>263.852.535.893</u></b>	<b><u>92.732.327.324</u></b>

(\*): Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	267.403.947.096	161.059.731.211
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	4.778.370.000	4.778.730.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	184.686.704.466	4.680.660.294
Đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Gemadept Terminal-Link	487.500.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	158.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.102.369.021.562</u></b>	<b><u>170.519.121.505</u></b>

##### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường chính thức.

##### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng cho hoạt động đại lý tàu biển	16.521.794.098	11.990.812.451
Phải thu khách hàng hoạt động khai thác vận tải	206.946.195.251	122.616.654.035
Phải thu khách hàng dịch vụ cho thuê tài sản	10.657.123.004	71.945.961.735
Phải thu khách hàng dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	92.192.315.374	82.072.009.878
<b>Cộng</b>	<b><u>326.317.427.727</u></b>	<b><u>288.625.438.099</u></b>

##### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cảng kỹ thuật biển	-	1.273.160.900
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần TM-DV Sài Gòn Xanh	6.848.000.000	-
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	38.000.000.000	-
Các khoản ứng trước khác	54.371.441.298	2.441.599.744
<b>Cộng</b>	<b><u>100.469.441.298</u></b>	<b><u>4.964.760.644</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	18.821.310.596	20.314.027.551
Phải thu Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam về khoản góp vốn hợp tác liên doanh	-	152.163.534
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.968.000.000
Phải thu về các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn	-	88.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	131.245.108.523	80.166.677.929
Lãi dự thu công trái, trái phiếu chính phủ	-	3.540.000
Phải thu khác	47.207.364.025	28.492.397.622
<b>Cộng</b>	<b><u>200.773.783.144</u></b>	<b><u>133.184.806.636</u></b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
<b>Cộng</b>	<b><u>829.059.322</u></b>	<b><u>829.059.322</u></b>

**8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhiên liệu tồn trên tàu	30.577.584.270	27.856.801.618
<b>Cộng</b>	<b><u>30.577.584.270</u></b>	<b><u>27.856.801.618</u></b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	1.541.527.749	23.067.842.517	23.701.591.321	907.778.945
Chi phí khác	761.774.055	30.917.228.556	24.966.928.329	6.712.074.282
<b>Cộng</b>	<b><u>2.303.301.804</u></b>	<b><u>53.985.071.073</u></b>	<b><u>48.668.519.650</u></b>	<b><u>7.619.853.227</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.205.159.446	14.146.787.783
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.399.192.191	53.820.888.636
<b>Cộng</b>	<b><u>102.604.351.637</u></b>	<b><u>67.967.676.419</u></b>

#### 11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ	-	5.800.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương	18.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>	<b><u>24.800.000.000</u></b>

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	81.370.179.487	107.611.584.016	921.475.193.868	11.966.374.642	1.122.423.332.013
<b>Tăng trong năm</b>			<b>26.435.406.621</b>	<b>549.070.304</b>	<b>26.984.476.925</b>
<b>Giảm trong năm</b>	<b>5.011.964.653</b>	<b>33.241.600</b>	<b>36.658.926.299</b>	<b>237.933.425</b>	<b>41.942.065.977</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>76.358.214.834</u></b>	<b><u>107.578.342.416</u></b>	<b><u>911.251.674.190</u></b>	<b><u>12.277.511.521</u></b>	<b><u>1.107.465.742.961</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	32.163.345.291	71.451.539.870	297.226.531.484	7.386.825.091	408.228.241.736
<b>Tăng trong năm</b>	<b>2.807.904.886</b>	<b>9.242.045.716</b>	<b>63.737.616.513</b>	<b>2.428.991.823</b>	<b>78.216.558.938</b>
<b>Giảm trong năm</b>	<b>2.712.208.248</b>	<b>32.679.694</b>	<b>29.760.400.036</b>	<b>290.728.386</b>	<b>32.796.016.364</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>32.259.041.929</u></b>	<b><u>80.660.905.892</u></b>	<b><u>331.203.747.961</u></b>	<b><u>9.525.088.528</u></b>	<b><u>453.648.784.310</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	49.206.834.196	36.160.044.146	624.248.662.384	4.579.549.551	714.195.090.277
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>44.099.172.905</u></b>	<b><u>26.917.436.524</u></b>	<b><u>580.047.926.229</u></b>	<b><u>2.752.422.993</u></b>	<b><u>653.816.958.651</u></b>

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng chưa được xác định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

**13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong năm	-	3.964.717.743	
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.890.768.666</b>	<b>16.623.929.836</b>	<b>7.266.838.830</b>

**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	10.704.213.410	9.450.038.457	20.154.251.867
Tăng trong năm	-	301.799.304	301.799.304
Giảm trong năm	3.351.730.000	-	3.351.730.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.352.483.410</b>	<b>9.751.837.761</b>	<b>17.104.321.171</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	1.075.451.532	1.075.451.532
Khấu hao trong năm	-	1.093.689.916	1.093.689.916
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.169.141.448</b>	<b>2.169.141.448</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	10.704.213.410	8.374.586.925	19.078.800.335
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.352.483.410</b>	<b>7.582.696.313</b>	<b>14.935.179.723</b>

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<u>Tên tài sản</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm GSS	630.000.000	630.000.000
Hoán cải sà lan tự hành	7.760.889.548	
Khu bắc Rạch Chiếc	21.504.054.060	20.404.054.061
DA Phú Thuận Quận 7	125.768.883	119.028.883
DA Container Bãi Cháy	179.643.600	179.643.600
DA Cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	2.694.479.091
DA Khu công nghệ cao GMD	3.658.444.173	3.658.444.173
DA văn phòng Quảng Ngãi	182.090.909	-
DA Khác	898.817.511	753.997.445
	<b>37.634.287.775</b>	<b>28.439.647.253</b>

**16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407
Tăng trong năm	500.000.000	11.617.265.234	
<b>Số cuối năm</b>	<b>279.448.439.795</b>	<b>28.354.171.622</b>	<b>251.094.268.173</b>

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	107.757.576.088	122.358.314.923
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	34.695.244.165	35.318.915.368

**17. Đầu tư vào công ty con**

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
	<u>Theo giá trị pháp</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	82.069.375.793
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	22,04	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa (*)	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (**)	46,00	72,00	27.600.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	5%	500.000.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
<b>Cộng</b>			<b>946.927.512.103</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Công ty cổ phần Gemadept góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 5% và Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M, Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Gemadept, góp vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần Sư Tử Chúa với tỷ lệ 50%.

(\*\*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 72%.

#### 18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm	40,00	10,20	18.264.608.143
Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.682.010.000
Công ty TNHH Huyn dai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	23,00	19,27	86.250.000.000
Công ty CP Liên Hiệp Thực Phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
<b>Cộng</b>			<b>309.469.472.143</b>

#### 19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	350.952.740.000
Đầu tư trái phiếu, công trái	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	276.628.992.130	17.401.131.494
<b>Cộng</b>	<b>480.003.661.730</b>	<b>368.363.871.494</b>

#### 20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	21.156.345.000	20.260.415.500
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	19.104.095.106	6.039.181.721
- Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept		
Dung Quát	14.211.230.273	1.467.176.763

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	1.077.158.262	1.077.158.262
- Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	724.626.174	433.621.851
- Công ty cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	3.061.224.845	3.061.224.845
- Công ty cổ phần Cảng quốc tế Hoa Sen Gemadept	29.855.552	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	6.713.511.036	5.761.837.348
- Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	6.713.511.036	5.133.232.614
- Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	-	628.604.734
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	3.081.582.424	2.005.709.657
- Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bảo Tín	2.932.535.705	1.856.662.938
- Công ty cổ phần Sài Gòn Sa Pa	149.046.719	149.046.719
<b>Cộng</b>	<b>50.055.533.567</b>	<b>34.067.144.226</b>

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	7.352.471.254	15.430.944.421	14.758.873.490	8.024.542.185
<b>Cộng</b>	<b>7.352.471.254</b>	<b>15.430.944.421</b>	<b>14.758.873.490</b>	<b>8.024.542.185</b>

**22. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ký quỹ, cầm cố dài hạn	38.891.847.120	37.079.412.120
<b>Cộng</b>	<b>38.891.847.120</b>	<b>37.079.412.120</b>

**23. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn các ngân hàng</b>	<b>23.975.330.144</b>	<b>154.985.144.986</b>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	18.803.981.842	71.810.659.687
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	5.171.348.302	64.698.683.354
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ	-	18.475.801.945
- Ngân hàng công thương – Chi nhánh 7	-	-
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>240.293.585.975</b>	<b>414.020.578</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty chứng khoán ISC	-	51.020.578
- Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	-	363.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen Gemadept	10.293.585.975	-
- Công ty cổ phần Gemadept Terminal-Link	230.000.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)</b>	<b>20.720.000.000</b>	<b>43.220.000.000</b>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng Indovina	-	22.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	8.720.000.000	8.720.000.000
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)</b>	<b>5.218.816.294</b>	<b>5.999.703.133</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>290.207.732.413</u></b>	<b><u>204.618.868.697</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn các ngân hàng	154.985.144.986	714.564.420.257			845.574.235.099	23.975.330.144
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	414.020.578	371.193.586.475			131.314.021.078	240.293.585.975
Vay dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000	20.720.000.000			43.220.000.000	20.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.999.703.133	5.431.233.600			6.212.120.439	5.218.816.294
<b>Cộng</b>	<b><u>204.618.868.697</u></b>	<b><u>1.111.909.240.332</u></b>			<b><u>1.026.320.376.616</u></b>	<b><u>290.207.732.413</u></b>

**24. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	156.581.773.392	131.292.107.654
<b>Cộng</b>	<b><u>156.581.773.392</u></b>	<b><u>131.292.107.654</u></b>

**25. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	1.809.584.245	6.432.850.116
Doanh thu chưa thực hiện	2.785.397.978	4.385.758.257
<b>Cộng</b>	<b><u>4.594.982.223</u></b>	<b><u>10.818.608.373</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.099.686.067	1.104.945.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.311.120.411	3.341.322.781
Thuế thu nhập cá nhân	373.516.716	386.190.074
Các loại thuế khác	858.633.962	2.101.560.924
- Thuế môn bài	-	(3.000.000)
- Thuế cược	118.161.385	335.423.194
- Thuế nhà thầu	740.472.577	1.769.137.730
<b>Cộng</b>	<b><u>14.642.957.156</u></b>	<b><u>6.934.019.243</u></b>

**27. Phải trả người lao động**

Tiền lương và thưởng còn phải trả cho công nhân viên.

**28. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	6.532.772.073	1.548.111.991
Chi phí phải trả khác	6.008.305.036	36.009.056.352
<b>Cộng</b>	<b><u>12.541.077.109</u></b>	<b><u>37.557.168.343</u></b>

**29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	2.806.047.700
BHXH, BHYT, BHTN	-	952.838.144
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	736.917.500	1.431.343.999
Tài sản thừa chờ xử lý	957.057.062	1.554.897.428
Các khoản phải trả khác	269.962.427.294	189.022.081.129
<b>Cộng</b>	<b><u>271.721.648.456</u></b>	<b><u>196.832.455.000</u></b>

**30. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi trong năm</u>	<u>Hoàn nhập dự phòng</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	1.648.316.717	-	1.648.316.717	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.648.316.717</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.648.316.717</u></b>	<b><u>-</u></b>

**31. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	22.620.519.216	24.531.675.907

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<u>Số cuối năm</u> <b>22.620.519.216</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>24.531.675.907</b>
<b>32. Vay và nợ dài hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<b>84.997.045.000</b>	<b>201.342.045.000</b>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	72.000.000.000	84.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	95.625.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	12.997.045.000	21.717.045.000
<i>Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 5 năm</i>	-	<b>5.330.256.747</b>
<i>Trái phiếu chuyển đổi vốn góp trong Công ty cổ phần Cảng Nam Hải</i>	<b>396.787.000.000</b>	
<b>Cộng</b>	<u><b>481.784.045.000</b></u>	<u><b>206.672.301.747</b></u>

**33. Vốn chủ sở hữu**  
*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	475.000.000.000	525.000.000.000		1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.366.907.462.400	802.253.124.000		2.169.160.586.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902			69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	13.410.665.221	10.354.491.642		23.765.156.863
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.296.600.315	10.354.491.641		20.651.091.956
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	2.790.944.659		2.790.944.659
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	151.364.805.484	127.446.775.914	37.276.169.910	241.535.411.488
<b>Cộng</b>	<u><b>2.086.367.916.322</b></u>	<u><b>1.478.199.827.856</b></u>	<u><b>37.276.169.910</b></u>	<u><b>3.527.291.574.268</b></u>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	62.371.210	47.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**34. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.835.098.169	-	433.500.000	4.401.598.169
Quỹ phúc lợi	(1.833.339.751)	10.354.491.642	9.446.045.399	(924.893.508)
Quỹ đào tạo	(17.621.218)	-	186.500.000	(204.121.218)
Quỹ khen thưởng, khuyến khích sản xuất	505.584.000			505.584.000
Quỹ hỗ trợ chính sách	(86.588.307)			(86.588.307)
Quỹ Hội đồng quản trị	-	6.212.694.985	3.228.460.786	2.984.234.199
<b>Cộng</b>	<b><u>3.403.132.893</u></b>	<b><u>16.567.186.627</u></b>	<b><u>13.294.506.185</u></b>	<b><u>6.675.813.335</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu dịch vụ vận tải	1.225.635.559.487
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	108.687.613.243
- Doanh thu đại lý và logistic	117.447.304.031
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.451.770.476.761</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>
- Giá vốn dịch vụ vận tải	1.200.444.854.322
- Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	35.906.155.030
- Giá vốn đại lý và logistic	86.468.382.419
<b>Cộng</b>	<b><u>1.322.819.391.771</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**Năm nay



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.584.294.178
Lãi đầu tư chứng khoán	56.482.176.937
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia	103.764.528.089
Lãi chênh lệch tỷ giá	42.858.060.586
<b>Cộng</b>	<b><u>224.689.059.790</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí lãi vay	72.475.436.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.092.372.220
Lỗ đầu tư chứng khoán	15.124.370.876
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	59.337.344.088
<b>Cộng</b>	<b><u>196.029.523.309</u></b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	27.884.412.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.286.863.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.752.821.976
Chi phí khác	10.322.848.674
<b>Cộng</b>	<b><u>65.246.946.713</u></b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	
	<u>Kỳ này</u>
Thanh lý tài sản cố định	46.214.883.204
Thu nhập khác	7.767.009.553
<b>Cộng</b>	<b><u>53.981.892.757</u></b>
<b>7. Chi phí khác</b>	
	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	6.052.925.209
Chi phí khác	948.456.871
<b>Cộng</b>	<b><u>7.001.382.080</u></b>
<b>8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.653.379.384
Chi phí nhân công	82.558.896.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.888.962.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.553.278.148
Chi phí khác	27.280.210.456
<b>Cộng</b>	<b><u>1.388.934.726.919</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản, nợ tiềm tàng

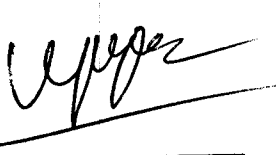
Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuê của lô đất diện tích 1.112,60 m<sup>2</sup> tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 12/2007/HĐCN ngày 30 tháng 8 năm 2007 với Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển. Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển đang làm thủ tục giải thể và chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất nêu trên cho Công ty. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này tuy nhiên khả năng Công ty sẽ phải thanh toán các khoản thuế liên quan để có được quyền sở hữu lô đất nêu trên.

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

### 3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

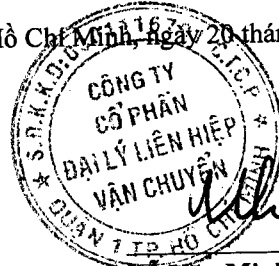
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011



**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu



**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán



**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc